

Bản án số: 222/2021/HS-ST

Ngày: 11- 6- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Tiếp

Bà Lê Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Phương - Thư ký Tòa án TP Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sơ thẩm thụ lý số 245/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2021/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Thị L - sinh năm 1952 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 02/7; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Xuân Đ (đã chết) và bà: Hà Thị C (đã chết); chồng: Hoàng Đình N (đã chết) và 05 con (chết 02); Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2003 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” bị cáo tại ngoại, “có mặt”.

2. Lê Đức T - sinh năm 1971 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: N, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đức T2 và bà Nguyễn Thị T3; vợ: Trần Thị H và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; bắt tạm giam: ngày 02/02/2021, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20h30 ngày 06/01/2021, tại khu vực gần núi S, đầu phía Bắc, đường vành đai phía Tây, thuộc phố V, phường Đ, thành phố T tổ công tác phòng

CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Công an phường Đ, thành phố T kiểm tra phát hiện, thu giữ của Lê Đức T 01 gói bọc ngoài là nilong màu đen, bên trong là lớp giấy trắng gói chất bột màu trắng. T khai đó là ma túy mua của Đỗ Thị L ở phố Đ, phường Đ, thành phố T với giá 200.000đ về để sử dụng.

Tại cơ quan điều tra T khai nhận: Do bản thân sử dụng ma túy nên khoảng 20h00 ngày 06/01/2021 T một mình điều khiển xe mô tô BKS 36B6-307.79 đến nhà bà Đỗ Thị L ở phố Đ, phường Đ, thành phố T để mua ma túy sử dụng. Tại nhà bà L, T hỏi và mua được của bà L 01 gói ma túy với giá 200.000đ. Sau khi mua ma túy T đi đến khu vực gần núi S, đầu phía Bắc, đường vành đai phía Tây, thuộc phố V, phường Đ, thành phố T thì bị Công an phát hiện, bắt giữ.

Cơ quan Công an đã triệu tập Đỗ Thị L lên làm việc. Tại cơ quan Công an L khai nhận: Khoảng 18h ngày 06/01/2021 L mua 01 gói ma túy của một người thanh niên nhưng không biết tên và địa chỉ tại nhà mình với giá 180.000đ. Sau đó, L bán lại gói ma túy này cho T với giá 200.000đ

Tại bản kết luận giám định số 313/MT-PC09 ngày 11/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh Thanh hoá kết luận: chất bột màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,145g (không phải một bốn lăm gam) loại Hêrôin.

Đối với người nam giới bán ma túy cho L, do L không biết tên, địa chỉ của này nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 36B6-307.79 nhãn hiệu Future. Qua xác minh, chiếc xe trên là của anh Lê Đức C (con trai T). Do anh C đang đi chấp hành án và để xe ở nhà. Việc bị cáo T lấy xe sử dụng vào việc phạm tội anh C không biết. Anh C đề nghị Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã trả lại chiếc xe trên cho chị H (là mẹ đẻ anh C) nhận thay cho anh và quản lý, sử dụng. Cơ quan Công an đã trả lại chiếc xe trên cho chị Trần Thị H.

Tại bản cáo trạng số 134/CT-VKS ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố bị cáo Đỗ Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS và Lê Đức T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng:

- Đối với L: khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 27 tháng đến 30 tháng tù.

- Đối với T: khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 13 tháng đến 16 tháng tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng, án phí.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án thấy đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 20h30 ngày 06/01/2021, tại khu vực gần núi S, đầu phía Bắc, đường vành đai phía Tây, thuộc phố V, phường Đ, thành phố T. Lê Đức T đã tàng trữ trái phép 01 gói ma túy có tổng khối lượng 0,145g gam loại Hêrôin. T khai gói ma túy trên là mua của Đỗ Thị L. Quá trình điều tra, L thừa nhận việc bán ma túy cho T.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Đỗ Thị L có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS. Bị cáo Lê Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

[3] Tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, xâm hại trật tự an toàn xã hội, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Mặc dù bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng do xem thường pháp nên bị cáo L đã mua bán trái phép chất ma túy để kiếm lời, bị cáo T đã tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an chung cần phải xử lý nghiêm minh để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo L có nhân thân xấu đã bị xét xử về tội ma túy nay lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật. Bị cáo T tuy có nhân thân tốt nhưng với tính chất nghiêm trọng của loại tội phạm về ma túy, mức độ và hành vi phạm tội thì việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên khi áp dụng hình phạt cần căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho 02 bị cáo. Tình tiết giảm nhẹ riêng cho bị cáo L là có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau, hiện đang phải nuôi các cháu nhỏ có xác nhận của chính quyền địa phương, căn cứ khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt bổ sung: Mặc dù bị cáo L mua bán ma túy với mục đích kiếm lời, nhưng hiện nay bị cáo đã già, thu nhập không có, có xác nhận hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo T tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng, không có tính chất vụ lợi, trọng lượng ma túy không lớn nên không cần phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Toàn bộ số ma túy thu của các bị cáo được niêm phong bằng phong bì thư là vật nhà nước cấm lưu hành, sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với số tiền bị cáo L bán ma túy cho bị cáo T 200.000đ là tiền dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên truy thu từ bị cáo L khoản tiền này để nộp vào ngân sách nhà nước. Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo L). Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo T). Khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Lê Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị L 27 (hai bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Lê Đức T 13 (mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 02/02/2021.

Về vật chứng: Truy thu từ bị cáo Đỗ Thị L số tiền 200.000đ để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong bằng phong bì thư của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa. Số ma túy trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 184/THA ngày 08/6/2021.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí, truy thu theo quy định tại các điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKSND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thủy